



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 105 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO

**Tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri, kết quả biểu quyết của HĐND tỉnh,
HĐND cấp huyện, HĐND cấp xã về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã
của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025**

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ về kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri, kết quả biểu quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp huyện, Hội đồng nhân dân cấp xã về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025, cụ thể như sau:

I. Kết quả lấy ý kiến cử tri về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã

Việc tổ chức lấy ý kiến cử tri về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật. Kết quả, cử tri trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thống nhất chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi với tỷ lệ cao (tổng số cử tri của ĐVHC cấp xã (mới) đồng ý việc sắp xếp ĐVHC cấp xã có tỷ lệ từ 85,89% đến 100%).

(chi tiết có Phụ lục 1 kèm theo)

II. Kết quả biểu quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp huyện, Hội đồng nhân dân cấp xã

Trên cơ sở kết quả lấy ý kiến cử tri, Hội đồng nhân dân cấp xã, Hội đồng nhân dân cấp huyện và Hội đồng nhân dân tỉnh đã tổ chức họp HĐND để thông qua chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025. Kết quả, 170 Hội đồng nhân dân cấp xã, 13 Hội đồng nhân dân cấp huyện và Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã thảo luận và biểu quyết, tán thành cao về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025.

(chi tiết có Phụ lục 2 kèm theo)

Trên đây là báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri, kết quả biểu quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp huyện, Hội đồng nhân dân

cấp xã về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- TT Đảng uỷ UBND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ (10 bản);
- VPUB: CVP, PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC(Tr626).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoàng Giang



PHỤ LỤC 1

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN CỬ TRI ĐỐI VỚI VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA
TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2025**

(Kèm theo Báo cáo số **105** /BC-UBND ngày **29** /4/2025 của UBND tỉnh)

STT	Đơn vị hành chính	Kết quả lấy ý kiến về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã		Ghi chú
		Tỷ lệ kết quả đồng ý (%)	Tỷ lệ kết quả không đồng ý (%)	
1	Thành lập xã Tịnh Khê trên cơ sở nhập xã Tịnh Kỳ, xã Tịnh Khê, xã Tịnh Long, xã Tịnh Thiện và xã Tịnh Châu thuộc thành phố Quảng Ngãi			
a	Xã Tịnh Khê	99,85	0,15	
b	Xã Tịnh Long	100,00	0,00	
c	Xã Tịnh Thiện	89,24	10,76	
d	Xã Tịnh Châu	99,15	0,85	
e	Xã Tịnh Kỳ	99,28	0,72	
	Xã Tịnh Khê (mới)	98,06	1,94	
2	Thành lập phường Trương Quang Trọng trên cơ sở nhập phường Trương Quang Trọng, xã Tịnh Ấn Tây, xã Tịnh Ấn Đông và xã Tịnh An thuộc thành phố Quảng Ngãi			
a	Phường Trương Quang Trọng	99,42	0,58	
b	Xã Tịnh Ấn Tây	99,83	0,17	
c	Xã Tịnh Ấn Đông	99,88	0,12	
d	Xã Tịnh An	99,76	0,24	
	Phường Trương Quang Trọng (mới)	99,66	0,34	
3	Thành lập xã An Phú trên cơ sở nhập xã An Phú, xã Nghĩa Hà, xã Nghĩa Đồng và xã Nghĩa Dũng thuộc thành phố Quảng Ngãi			
a	Xã An Phú	99,33	0,67	
b	Xã Nghĩa Hà	98,55	1,45	
c	Xã Nghĩa Đồng	93,76	6,24	
d	Xã Nghĩa Dũng	99,37	0,63	
	Xã An Phú (mới)	98,18	1,82	
4	Thành lập phường Cẩm Thành trên cơ sở nhập phường Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Nghiêm, phường Chánh Lộ và phường Nghĩa Chánh thuộc thành phố Quảng Ngãi			
a	Phường Trần Hưng Đạo	99,95	0,05	
b	Phường Nguyễn Nghiêm	99,72	0,28	
c	Phường Chánh Lộ	100,00	0,00	

STT	Đơn vị hành chính	Kết quả lấy ý kiến về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã		Ghi chú
		Tỷ lệ kết quả đồng ý (%)	Tỷ lệ kết quả không đồng ý (%)	
d	Phường Nghĩa Chánh	99,94	0,06	
	Phường Cẩm Thành (mới)	99,93	0,07	
5	Thành lập phường Nghĩa Lộ trên cơ sở nhập phường Lê Hồng Phong, phường Trần Phú, phường Quảng Phú và phường Nghĩa Lộ thuộc thành phố Quảng Ngãi			
a	Phường Lê Hồng Phong	97,09	2,91	
b	Phường Trần Phú	99,02	0,98	
c	Phường Quảng Phú	99,52	0,48	
d	Phường Nghĩa Lộ	99,49	0,51	
	Phường Nghĩa Lộ (mới)	99,05	0,95	
6	Thành lập xã Bình Minh trên cơ sở nhập xã Bình Minh, xã Bình An và xã Bình Khương thuộc huyện Bình Sơn			
a	Xã Bình Minh	100,00	0,00	
b	Xã Bình An	98,04	1,96	
c	Xã Bình Khương	99,68	0,32	
	Xã Bình Minh (mới)	99,41	0,59	
7	Thành lập xã Bình Chương trên cơ sở nhập xã Bình Chương và xã Bình Mỹ thuộc huyện Bình Sơn			
a	Xã Bình Chương	99,94	0,06	
b	Xã Bình Mỹ	98,74	1,26	
	Xã Bình Chương (mới)	99,39	0,61	
8	Thành lập xã Bình Sơn trên cơ sở nhập xã Bình Thạnh, xã Bình Chánh, xã Bình Dương, xã Bình Nguyên, xã Bình Trung, thị trấn Châu Ổ và xã Bình Long thuộc huyện Bình Sơn			
a	Xã Bình Thạnh	91,75	8,25	
b	Xã Bình Chánh	99,30	0,70	
c	Xã Bình Dương	99,90	0,10	
d	Xã Bình Nguyên	99,52	0,48	
e	Xã Bình Trung	98,73	1,27	
g	Thị trấn Châu Ổ	99,43	0,57	
h	Xã Bình Long	99,59	0,41	
	Xã Bình Sơn (mới)	98,13	1,87	
9	Thành lập xã Vạn Tường trên cơ sở nhập xã Bình Thuận, xã Bình Đông, xã Bình Trị, xã Bình Hải, xã Bình Hòa và xã Bình Phước thuộc huyện Bình Sơn			
a	Xã Bình Thuận	96,37	3,63	
b	Xã Bình Đông	98,84	1,16	
c	Xã Bình Trị	100,00	0,00	

STT	Đơn vị hành chính	Kết quả lấy ý kiến về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã		Ghi chú
		Tỷ lệ kết quả đồng ý (%)	Tỷ lệ kết quả không đồng ý (%)	
d	Xã Bình Hải	99,92	0,08	
e	Xã Bình Hòa	98,37	1,63	
g	Xã Bình Phước	98,16	1,84	
	Xã Vạn Tường (mới)	98,53	1,47	
10	Thành lập xã Đông Sơn trên cơ sở nhập xã Bình Hiệp, xã Bình Thanh, xã Bình Tân Phú, xã Bình Châu thuộc huyện Bình Sơn và xã Tịnh Hòa thuộc thành phố Quảng Ngãi			
a	Xã Bình Hiệp	70,04	29,96	
b	Xã Bình Thanh	99,25	0,75	
c	Xã Bình Tân Phú	96,57	3,43	
d	Xã Bình Châu	99,37	0,63	
e	Xã Tịnh Hòa	89,49	10,51	
	Xã Đông Sơn (mới)	92,45	7,55	
11	Thành lập xã Trường Giang trên cơ sở nhập xã Tịnh Giang, xã Tịnh Đông và xã Tịnh Minh thuộc huyện Sơn Tịnh			
a	Xã Tịnh Giang	96,02	3,98	
b	Xã Tịnh Đông	87,78	12,22	
c	Xã Tịnh Minh	90,71	9,29	
	Xã Trường Giang (mới)	91,40	8,60	
12	Thành lập xã Ba Gia trên cơ sở nhập xã Tịnh Bắc, xã Tịnh Hiệp và xã Tịnh Trà thuộc huyện Sơn Tịnh			
a	Xã Tịnh Bắc	99,58	0,42	
b	Xã Tịnh Hiệp	100,00	0,00	
c	Xã Tịnh Trà	99,84	0,16	
	Xã Ba Gia (mới)	99,87	0,13	
13	Thành lập xã Sơn Tịnh trên cơ sở nhập xã Tịnh Bình, xã Tịnh Sơn và thị trấn Tịnh Hà thuộc huyện Sơn Tịnh			
a	Xã Tịnh Bình	100,00	0,00	
b	Xã Tịnh Sơn	100,00	0,00	
c	Thị trấn Tịnh Hà	99,03	0,97	
	Xã Sơn Tịnh (mới)	99,51	0,49	
14	Thành lập xã Thọ Phong trên cơ sở nhập xã Tịnh Phong và xã Tịnh Thọ thuộc huyện Sơn Tịnh			
a	Xã Tịnh Phong	100,00	0,00	
b	Xã Tịnh Thọ	99,74	0,26	
	Xã Thọ Phong (mới)	99,88	0,12	

STT	Đơn vị hành chính	Kết quả lấy ý kiến về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã		Ghi chú
		Tỷ lệ kết quả đồng ý (%)	Tỷ lệ kết quả không đồng ý (%)	
15	Thành lập phường Trà Câu trên cơ sở nhập xã Phô An, xã Phô Thuận, phường Phô Văn và phường Phô Quang thuộc thị xã Đức Phổ			
a	Xã Phô An	99,74	0,26	
b	Xã Phô Thuận	99,76	0,24	
c	Phường Phô Văn	100,00	0,00	
d	Phường Phô Quang	99,95	0,05	
	Phường Trà Câu (mới)	99,86	0,14	
16	Thành lập xã Nguyễn Nghiêm trên cơ sở nhập xã Phô Phong và xã Phô Nhơn thuộc thị xã Đức Phổ			
a	Xã Phô Phong	97,53	2,47	
b	Xã Phô Nhơn	99,88	0,12	
	Xã Nguyễn Nghiêm (mới)	98,39	1,61	
17	Thành lập phường Đức Phổ trên cơ sở nhập phường Phô Hòa, phường Nguyễn Nghiêm, phường Phô Ninh, phường Phô Minh và phường Phô Vinh thuộc thị xã Đức Phổ			
a	Phường Phô Hòa	99,90	0,10	
b	Phường Nguyễn Nghiêm	99,96	0,04	
c	Phường Phô Ninh	99,84	0,16	
d	Phường Phô Minh	99,85	0,15	
e	Phường Phô Vinh	99,90	0,10	
	Phường Đức Phổ (mới)	99,90	0,10	
18	Thành lập xã Khánh Cường trên cơ sở nhập xã Phô Khánh và xã Phô Cường thuộc thị xã Đức Phổ			
a	Xã Phô Khánh	98,84	1,16	
b	Xã Phô Cường	98,93	1,07	
	Xã Khánh Cường (mới)	98,88	1,12	
19	Thành lập phường Sa Huỳnh trên cơ sở nhập phường Phô Thạnh và xã Phô Châu thuộc thị xã Đức Phổ			
a	Phường Phô Thạnh	99,94	0,06	
b	Xã Phô Châu	99,65	0,35	
	Phường Sa Huỳnh (mới)	99,88	0,12	
20	Thành lập xã Long Phụng trên cơ sở nhập xã Thắng Lợi, xã Đức Nhuận và xã Đức Hiệp thuộc huyện Mộ Đức			
a	Xã Thắng Lợi	100,00	0,00	
b	Xã Đức Nhuận	99,89	0,11	
c	Xã Đức Hiệp	96,74	3,26	
	Xã Long Phụng (mới)	98,71	1,29	

5

STT	Đơn vị hành chính	Kết quả lấy ý kiến về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã		Ghi chú
		Tỷ lệ kết quả đồng ý (%)	Tỷ lệ kết quả không đồng ý (%)	
21	Thành lập xã Mỏ Cày trên cơ sở nhập xã Đức Chánh, xã Đức Thạnh và xã Đức Minh thuộc huyện Mộ Đức			
a	Xã Đức Chánh	100,00	0,00	
b	Xã Đức Thạnh	95,63	4,37	
c	Xã Đức Minh	96,17	3,83	
	Xã Mỏ Cày (mới)	97,91	2,09	
22	Thành lập xã Mộ Đức trên cơ sở nhập xã Đức Hòa, xã Đức Phú, xã Đức Tân và thị trấn Mộ Đức thuộc huyện Mộ Đức			
a	Xã Đức Hòa	100,00	0,00	
b	Xã Đức Phú	100,00	0,00	
c	Xã Đức Tân	100,00	0,00	
d	Thị trấn Mộ Đức	99,78	0,22	
	Xã Mộ Đức (mới)	99,79	0,21	
23	Thành lập xã Lâm Phong trên cơ sở nhập xã Đức Phong và xã Đức Lâm thuộc huyện Mộ Đức			
a	Xã Đức Phong	98,30	1,70	
b	Xã Đức Lâm	100,00	0,00	
	Xã Lâm Phong (mới)	98,32	1,68	
24	Thành lập xã Tư Nghĩa trên cơ sở nhập xã Nghĩa Trung, thị trấn La Hà, xã Nghĩa Hòa và xã Nghĩa Thương thuộc huyện Tư Nghĩa			
a	Xã Nghĩa Trung	99,73	0,27	
b	Thị trấn La Hà	99,86	0,14	
c	Xã Nghĩa Hòa	99,82	0,18	
d	Xã Nghĩa Thương	99,21	0,79	
	Xã Tư Nghĩa (mới)	99,61	0,39	
25	Thành lập xã Vệ Giang trên cơ sở nhập xã Nghĩa Hiệp, thị trấn Sông Vệ và xã Nghĩa Phương thuộc huyện Tư Nghĩa			
a	Xã Nghĩa Hiệp	99,71	0,29	
b	Thị trấn Sông Vệ	99,88	0,12	
c	Xã Nghĩa Phương	98,02	1,98	
	Xã Vệ Giang (mới)	99,34	0,66	
26	Thành lập xã Nghĩa Giang trên cơ sở nhập xã Nghĩa Thuận, xã Nghĩa Kỳ và xã Nghĩa Điền thuộc huyện Tư Nghĩa			
a	Xã Nghĩa Thuận	53,90	46,10	
b	Xã Nghĩa Kỳ	95,13	4,87	
c	Xã Nghĩa Điền	98,14	1,86	

STT	Đơn vị hành chính	Kết quả lấy ý kiến về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã		Ghi chú
		Tỷ lệ kết quả đồng ý (%)	Tỷ lệ kết quả không đồng ý (%)	
	Xã Nghĩa Giang (mới)	86,51	13,49	
27	Thành lập xã Trà Giang trên cơ sở nhập xã Nghĩa Sơn, xã Nghĩa Lâm và xã Nghĩa Thắng thuộc huyện Tư Nghĩa			
a	Xã Nghĩa Sơn	92,05	7,95	
b	Xã Nghĩa Lâm	99,21	0,79	
c	Xã Nghĩa Thắng	98,53	1,47	
	Xã Trà Giang (mới)	98,32	1,68	
28	Thành lập xã Nghĩa Hành trên cơ sở nhập xã Hành Thuận, thị trấn Chợ Chùa và xã Hành Trung thuộc huyện Nghĩa Hành			
a	Xã Hành Thuận	100,00	0,00	
b	Thị trấn Chợ Chùa	99,92	0,08	
c	Xã Hành Trung	100,00	0,00	
	Xã Nghĩa Hành (mới)	99,97	0,03	
29	Thành lập xã Đình Cương trên cơ sở nhập xã Hành Đức, xã Hành Phước và xã Hành Thịnh thuộc huyện Nghĩa Hành			
a	Xã Hành Đức	100,00	0,00	
b	Xã Hành Phước	100,00	0,00	
c	Xã Hành Thịnh	97,55	2,45	
	Xã Đình Cương (mới)	99,23	0,77	
30	Thành lập xã Thiện Tín trên cơ sở nhập xã Hành Thiện, xã Hành Tín Tây và xã Hành Tín Đông thuộc huyện Nghĩa Hành			
a	Xã Hành Thiện	100,00	0,00	
b	Xã Hành Tín Tây	100,00	0,00	
c	Xã Hành Tín Đông	99,18	0,82	
	Xã Thiện Tín (mới)	99,77	0,23	
31	Thành lập xã Phước Giang trên cơ sở nhập xã Hành Dũng, xã Hành Nhân và xã Hành Minh thuộc huyện Nghĩa Hành			
a	Xã Hành Dũng	100,00	0,00	
b	Xã Hành Nhân	100,00	0,00	
c	Xã Hành Minh	98,78	1,22	
	Xã Phước Giang (mới)	99,62	0,38	
32	Thành lập xã Trà Bồng trên cơ sở nhập thị trấn Trà Xuân, xã Trà Sơn và xã Trà Thủy thuộc huyện Trà Bồng			
a	Thị trấn Trà Xuân	99,95	0,05	
b	Xã Trà Thủy	92,51	7,49	

STT	Đơn vị hành chính	Kết quả lấy ý kiến về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã		Ghi chú
		Tỷ lệ kết quả đồng ý (%)	Tỷ lệ kết quả không đồng ý (%)	
c	Xã Trà Sơn	99,03	0,97	
	Xã Trà Bồng (mới)	98,11	1,89	
33	Thành lập xã Đông Trà Bồng trên cơ sở nhập xã Trà Bình, xã Trà Phú và xã Trà Giang thuộc huyện Trà Bồng			
a	Xã Trà Bình	100,00	0,00	
b	Xã Trà Phú	100,00	0,00	
c	Xã Trà Giang	100,00	0,00	
	Xã Đông Trà Bồng (mới)	100,00	0,00	
34	Thành lập xã Tây Trà trên cơ sở nhập xã Sơn Trà, xã Trà Phong và xã Trà Xinh thuộc huyện Trà Bồng			
a	Xã Trà Phong	99,83	0,17	
b	Xã Trà Xinh	99,83	0,17	
c	Xã Sơn Trà	100,00	0,00	
	Xã Tây Trà (mới)	99,88	0,12	
35	Thành lập xã Thanh Bồng trên cơ sở nhập xã Trà Lâm, xã Trà Hiệp và xã Trà Thanh thuộc huyện Trà Bồng			
a	Xã Trà Lâm	98,76	1,24	
b	Xã Trà Hiệp	100,00	0,00	
c	Xã Trà Thanh	95,04	4,96	
	Xã Thanh Bồng (mới)	97,84	2,16	
36	Thành lập xã Cà Đam trên cơ sở nhập xã Trà Tân và 52,9908 km², quy mô dân số 1.815 người của xã Trà Bùi (gồm 4 thôn Niên, Tây, Tang, Quế của xã Trà Bùi) thuộc huyện Trà Bồng			
a	Xã Trà Tân	99,84	0,16	
b	Xã Trà Bùi	100,00	0,00	
	Xã Cà Đam (mới)	99,91	0,09	
37	Thành lập xã Tây Trà Bồng trên cơ sở nhập xã Hương Trà, xã Trà Tây và một phần diện tích tự nhiên là 10 km², quy mô dân số là 382 người của xã Trà Bùi (gồm thôn Nước Nía của xã Trà Bùi) thuộc huyện Trà Bồng			
a	Xã Trà Tây	100,00	0,00	
b	Xã Hương Trà	100,00	0,00	
c	Xã Trà Bùi	100,00	0,00	
	Xã Tây Trà Bồng (mới)	100,00	0,00	
38	Thành lập xã Sơn Hạ trên cơ sở nhập xã Sơn Hạ, xã Sơn Nham và xã Sơn Thành thuộc huyện Sơn Hà			
a	Xã Sơn Hạ	100,00	0,00	
b	Xã Sơn Nham	98,40	1,60	
c	Xã Sơn Thành	98,78	1,22	

STT	Đơn vị hành chính	Kết quả lấy ý kiến về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã		Ghi chú
		Tỷ lệ kết quả đồng ý (%)	Tỷ lệ kết quả không đồng ý (%)	
	Xã Sơn Hạ (mới)	99,22	0,78	
39	Thành lập xã Sơn Linh trên cơ sở nhập xã Sơn Giang, xã Sơn Linh và xã Sơn Cao thuộc huyện Sơn Hà			
a	Xã Sơn Giang	99,17	0,83	
b	Xã Sơn Linh	100,00	0,00	
c	Xã Sơn Cao	98,57	1,43	
	Xã Sơn Linh (mới)	99,27	0,73	
40	Thành lập xã Sơn Hà trên cơ sở nhập thị trấn Di Lăng, xã Sơn Bao và xã Sơn Thượng thuộc huyện Sơn Hà			
a	Thị trấn Di Lăng	100,00	0,00	
b	Xã Sơn Bao	98,98	1,02	
c	Xã Sơn Thượng	100,00	0,00	
	Xã Sơn Hà (mới)	99,78	0,22	
41	Thành lập xã Sơn Thủy trên cơ sở nhập xã Sơn Trung, xã Sơn Hải và xã Sơn Thủy thuộc huyện Sơn Hà			
a	Xã Sơn Trung	100,00	0,00	
b	Xã Sơn Hải	99,79	0,21	
c	Xã Sơn Thủy	98,74	1,26	
	Xã Sơn Thủy (mới)	99,42	0,58	
42	Thành lập xã Sơn Kỳ trên cơ sở nhập xã Sơn Kỳ và xã Sơn Ba thuộc huyện Sơn Hà			
a	Xã Sơn Kỳ	99,95	0,05	
b	Xã Sơn Ba	100,00	0,00	
	Xã Sơn Kỳ (mới)	99,97	0,03	
43	Thành lập xã Sơn Tây trên cơ sở nhập xã Sơn Long, xã Sơn Tân và xã Sơn Dung thuộc huyện Sơn Tây			
a	Xã Sơn Long	98,80	1,20	
b	Xã Sơn Tân	99,88	0,12	
c	Xã Sơn Dung	100,00	0,00	
	Xã Sơn Tây (mới)	99,70	0,30	
44	Thành lập xã Sơn Tây Thượng trên cơ sở nhập xã Sơn Mùa, xã Sơn Liên và xã Sơn Bua thuộc huyện Sơn Tây			
a	Xã Sơn Mùa	99,77	0,23	
b	Xã Sơn Liên	100,00	0,00	
c	Xã Sơn Bua	100,00	0,00	

STT	Đơn vị hành chính	Kết quả lấy ý kiến về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã		Ghi chú
		Tỷ lệ kết quả đồng ý (%)	Tỷ lệ kết quả không đồng ý (%)	
	Xã Sơn Tây Thượng (mới)	99,88	0,12	
45	Thành lập xã Sơn Tây Hạ trên cơ sở nhập xã Sơn Tinh, xã Sơn Lập và xã Sơn Màu thuộc huyện Sơn Tây			
a	Xã Sơn Tinh	100,00	0,00	
b	Xã Sơn Lập	98,59	1,41	
c	Xã Sơn Màu	100,00	0,00	
	Xã Sơn Tây Hạ (mới)	99,67	0,33	
46	Thành lập xã Ba Vì trên cơ sở nhập xã Ba Vì, xã Ba Tiêu và xã Ba Ngạc thuộc huyện Ba Tơ			
a	Xã Ba Vì	99,55	0,45	
b	Xã Ba Tiêu	99,41	0,59	
c	Xã Ba Ngạc	99,76	0,24	
	Xã Ba Vì (mới)	99,58	0,42	
47	Thành lập xã Ba Tô trên cơ sở nhập xã Ba Tô, xã Ba Nam và xã Ba Lễ thuộc huyện Ba Tơ			
a	Xã Ba Tô	99,94	0,06	
b	Xã Ba Nam	85,66	14,34	
c	Xã Ba Lễ	35,48	64,52	
	Xã Ba Tô (mới)	85,89	14,11	
48	Thành lập xã Ba Tơ trên cơ sở nhập thị trấn Ba Tơ, xã Ba Bích và xã Ba Cung thuộc huyện Ba Tơ			
a	Thị trấn Ba Tơ	99,74	0,26	
b	Xã Ba Bích	59,45	40,55	
c	Xã Ba Cung	100,00	0,00	
	Xã Ba Tơ (mới)	91,45	8,55	
49	Thành lập xã Ba Đình trên cơ sở nhập xã Ba Đình và xã Ba Giang thuộc huyện Ba Tơ			
a	Xã Ba Đình	99,81	0,19	
b	Xã Ba Giang	98,93	1,07	
	Xã Ba Đình (mới)	99,61	0,39	
50	Thành lập xã Ba Vinh trên cơ sở nhập xã Ba Điền và xã Ba Vinh thuộc huyện Ba Tơ			
a	Xã Ba Vinh	99,85	0,15	
b	Xã Ba Điền	99,38	0,63	
	Xã Ba Vinh (mới)	99,73	0,27	

10

STT	Đơn vị hành chính	Kết quả lấy ý kiến về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã		Ghi chú
		Tỷ lệ kết quả đồng ý (%)	Tỷ lệ kết quả không đồng ý (%)	
51	Thành lập xã Ba Động trên cơ sở nhập xã Ba Liên, xã Ba Thành và xã Ba Động thuộc huyện Ba Tơ			
a	Xã Ba Động	100,00	0,00	
b	Xã Ba Thành	99,89	0,11	
c	Xã Ba Liên	100,00	0,00	
	Xã Ba Động (mới)	99,95	0,05	
52	Thành lập xã Đặng Thùy Trâm trên cơ sở nhập xã Ba Trang và xã Ba Khâm thuộc huyện Ba Tơ			
a	Xã Ba Trang	100,00	0,00	
b	Xã Ba Khâm	99,07	0,93	
	Xã Đặng Thùy Trâm (mới)	99,61	0,39	
53	Giữ nguyên ĐVHC xã Ba Xa thuộc huyện Ba Tơ như hiện nay			
	Xã Ba Xa	100,00	0,00	
54	Thành lập xã Minh Long trên cơ sở nhập xã Long Hiệp, xã Thanh An và xã Long Môn thuộc huyện Minh Long			
a	Xã Long Hiệp	100,00	0,00	
b	Xã Thanh An	100,00	0,00	
c	Xã Long Môn	100,00	0,00	
	Xã Minh Long (mới)	100,00	0,00	
55	Thành lập xã Sơn Mai trên cơ sở nhập xã Long Mai và xã Long Sơn thuộc huyện Minh Long			
a	Xã Long Mai	100,00	0,00	
b	Xã Long Sơn	100,00	0,00	
	Xã Sơn Mai (mới)	100,00	0,00	
56	Chuyển nguyên trạng huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi thành đơn vị hành chính cấp xã có tên gọi là đặc khu			
	Huyện Lý Sơn	99,94	0,06	



PHỤ LỤC 2
TỔNG HỢP KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT CỦA HĐND TỈNH, HĐND CẤP HUYỆN, HĐND CẤP XÃ ĐỐI VỚI VIỆC
SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2025
(Kèm theo Báo cáo số **105** /BC-UBND ngày **29/4/2025** của UBND tỉnh)

STT	Đơn vị hành chính	Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết						Ghi chú		
		Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu tham dự kỳ họp	Tỷ lệ đại biểu tham dự kỳ họp (%)	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ đồng ý/Tổng số đại biểu HĐND (%)	Tỷ lệ đồng ý/Tổng số đại biểu tham dự kỳ họp (%)	Số đại biểu không đồng ý	Tỷ lệ không đồng ý/Tổng số đại biểu HĐND (%)	Tỷ lệ không đồng ý/Tổng số đại biểu tham dự kỳ họp (%)			
1	Thành lập xã Tịnh Khê trên cơ sở nhập xã Tịnh Kỳ, xã Tịnh Khê, xã Tịnh Long, xã Tịnh Thiện và xã Tịnh Châu thuộc thành phố Quảng Ngãi												
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00			
	HĐND thành phố Quảng Ngãi	28	28	100,00	28	100,00	100,00	0	0,00	0,00			
	HĐND cấp xã	125	121	96,80	121	96,80	100,00	0	0,00	0,00			
	a Xã Tịnh Khê	27	27	100,00	27	100,00	100,00	0	0,00	0,00			
	b Xã Tịnh Long	25	23	92,00	23	92,00	100,00	0	0,00	0,00			
	c Xã Tịnh Thiện	24	22	91,67	22	91,67	100,00	0	0,00	0,00			
	d Xã Tịnh Châu	24	24	100,00	24	100,00	100,00	0	0,00	0,00			
	e Xã Tịnh Kỳ	25	25	100,00	25	100,00	100,00	0	0,00	0,00			
	2	Thành lập phường Trương Quang Trọng trên cơ sở nhập phường Trương Quang Trọng, xã Tịnh Ấn Tây, xã Tịnh Ấn Đông và xã Tịnh Ấn thuộc thành phố Quảng Ngãi											
HĐND tỉnh Quảng Ngãi		49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00			
HĐND thành phố Quảng Ngãi		28	28	100,00	28	100,00	100,00	0	0,00	0,00			
HĐND cấp xã		95	88	92,63	88	92,63	100,00	0	0,00	0,00			
a Phường Trương Quang Trọng		21	21	100,00	21	100,00	100,00	0	0,00	0,00			
b Xã Tịnh Ấn Tây		25	21	84,00	21	84,00	100,00	0	0,00	0,00			
c Xã Tịnh Ấn Đông		24	22	91,67	22	91,67	100,00	0	0,00	0,00			
d Xã Tịnh Ấn		25	24	96,00	24	96,00	100,00	0	0,00	0,00			
Thành lập xã An Phú trên cơ sở nhập xã An Phú, xã Nghĩa Hà, xã Nghĩa Đông và xã Nghĩa Dũng thuộc thành phố Quảng Ngãi													
HĐND tỉnh Quảng Ngãi		49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00			

STT	Đơn vị hành chính	Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết						Ghi chú
		Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu tham dự kỳ họp	Tỷ lệ đại biểu tham dự kỳ họp (%)	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ đồng ý/Tổng số đại biểu HĐND (%)	Tỷ lệ đồng ý/Tổng số đại biểu tham dự kỳ họp (%)	Số đại biểu không đồng ý	Tỷ lệ không đồng ý/Tổng số đại biểu HĐND (%)	Tỷ lệ không đồng ý/Tổng số đại biểu tham dự kỳ họp (%)	
	HĐND thành phố Quảng Ngãi	28	28	100,00	28	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	118	111	94,07	111	94,07	100,00	0	0,00	0,00	
a	Xã An Phú	49	44	89,80	44	89,80	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Nghĩa Hà	26	26	100,00	26	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Nghĩa Đồng	21	19	90,48	19	90,48	100,00	0	0,00	0,00	
d	Xã Nghĩa Dũng	22	22	100,00	22	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
4	Thành lập phường Cẩm Thành trên cơ sở nhập phường Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Nghiêm, phường Chánh Lộ và phường Nghĩa Chánh thuộc thành phố Quảng Ngãi										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND thành phố Quảng Ngãi	28	28	100,00	28	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	76	76	100,00	76	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
a	Phường Trần Hưng Đạo	20	20	100,00	20	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Phường Nguyễn Nghiêm	20	20	100,00	20	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
c	Phường Chánh Lộ	18	18	100,00	18	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
d	Phường Nghĩa Chánh	18	18	100,00	18	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
5	Thành lập phường Nghĩa Lộ trên cơ sở nhập phường Lê Hồng Phong, phường Trần Phú, phường Quảng Phú và phường Nghĩa Lộ thuộc thành phố Quảng Ngãi										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND thành phố Quảng Ngãi	28	28	100,00	28	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	80	78	97,50	78	97,50	100,00	0	0,00	0,00	
a	Phường Lê Hồng Phong	20	19	95,00	19	95,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Phường Trần Phú	21	21	100,00	21	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
c	Phường Quảng Phú	19	18	94,74	18	94,74	100,00	0	0,00	0,00	
d	Phường Nghĩa Lộ	20	20	100,00	20	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
6	Thành lập xã Bình Minh trên cơ sở nhập xã Bình Minh, xã Bình An và xã Bình Khương thuộc huyện Bình Sơn										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Bình Sơn	30	30	100,00	30	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	67	67	100,00	67	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
a	Xã Bình Minh	22	22	100,00	22	100,00	100,00	0	0,00	0,00	

STT		Đơn vị hành chính	Số lượng đại biểu HĐND				Kết quả biểu quyết						Ghi chú
			Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu tham dự kỳ họp	Tỷ lệ đại biểu tham dự kỳ họp (%)	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ đồng ý/Tổng số đại biểu HĐND (%)	Tỷ lệ đồng ý/Tổng số đại biểu tham dự kỳ họp (%)	Số đại biểu không đồng ý	Tỷ lệ không đồng ý/Tổng số đại biểu HĐND (%)	Tỷ lệ không đồng ý/Tổng số đại biểu tham dự kỳ họp (%)		
b		Xã Bình An	22	22	100,00	22	100,00	100,00	0		0,00	0,00	
c		Xã Bình Khương	23	23	100,00	23	100,00	100,00	0		0,00	0,00	
7	Thành lập xã Bình Chương trên cơ sở nhập xã Bình Chương và xã Bình Mỹ thuộc huyện Bình Sơn												
		HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0		0,00	0,00	
		HĐND huyện Bình Sơn	30	30	100,00	30	100,00	100,00	0		0,00	0,00	
		HĐND cấp xã	43	43	100,00	43	100,00	100,00	0		0,00	0,00	
a		Xã Bình Chương	20	20	100,00	20	100,00	100,00	0		0,00	0,00	
b		Xã Bình Mỹ	23	23	100,00	23	100,00	100,00	0		0,00	0,00	
8	Thành lập xã Bình Sơn trên cơ sở nhập xã Bình Thành, xã Bình Chánh, xã Bình Dương, xã Bình Nguyên, xã Bình Trung, thị trấn Châu Ô và xã Bình Long thuộc huyện Bình Sơn												
		HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0		0,00	0,00	
		HĐND huyện Bình Sơn	30	30	100,00	30	100,00	100,00	0		0,00	0,00	
		HĐND cấp xã	167	153	91,62	152	91,02	99,35	1		0,60	0,65	
a		Xã Bình Thành	26	22	84,62	22	84,62	100,00	0		0,00	0,00	
b		Xã Bình Chánh	26	21	80,77	21	80,77	100,00	0		0,00	0,00	
c		Xã Bình Dương	21	18	85,71	18	85,71	100,00	0		0,00	0,00	
d		Xã Bình Nguyên	24	24	100,00	24	100,00	100,00	0		0,00	0,00	
e		Xã Bình Trung	25	23	92,00	23	92,00	100,00	0		0,00	0,00	
g		Thị trấn Châu Ô	25	25	100,00	24	96,00	96,00	1		4,00	4,00	
h		Xã Bình Long	20	20	100,00	20	100,00	100,00	0		0,00		
9	Thành lập xã Vạn Tường trên cơ sở nhập xã Bình Thuận, xã Bình Đông, xã Bình Trị, xã Bình Hải, xã Bình Hòa và xã Bình Phước thuộc huyện Bình Sơn												
		HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0		0,00	0,00	
		HĐND huyện Bình Sơn	30	30	100,00	30	100,00	100,00	0		0,00	0,00	
		HĐND cấp xã	139	131	94,24	130	93,53	99,24	1		0,72	0,76	
a		Xã Bình Thuận	23	23	100,00	23	100,00	100,00	0		0,00	0,00	
b		Xã Bình Đông	23	21	91,30	21	91,30	100,00	0		0,00	0,00	
c		Xã Bình Trị	22	20	90,91	20	90,91	100,00	0		0,00	0,00	
d		Xã Bình Hải	26	24	92,31	23	88,46	95,83	1		3,85	4,17	

STT	Đơn vị hành chính	Số lượng đại biểu HĐND				Kết quả biểu quyết					Ghi chú
		Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu tham dự kỳ họp	Tỷ lệ đại biểu tham dự kỳ họp (%)	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ đồng ý/Tổng số đại biểu HĐND (%)	Tỷ lệ đồng ý/Tổng số đại biểu tham dự kỳ họp (%)	Số đại biểu không đồng ý	Tỷ lệ không đồng ý/Tổng số đại biểu HĐND (%)	Tỷ lệ không đồng ý/Tổng số đại biểu tham dự kỳ họp (%)	
e	Xã Bình Hòa	23	21	91,30	21	91,30	100,00	0	0,00	0,00	
g	Xã Bình Phước	22	22	100,00	22	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
10	Thành lập xã Đông Sơn trên cơ sở nhập xã Bình Hiệp, xã Bình Thanh, xã Bình Tân Phú, xã Bình Châu thuộc huyện Bình Sơn và xã Tịnh Hòa thuộc thành phố Quảng Ngãi										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp huyện	58	58	100,00	58	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
a	HĐND huyện Bình Sơn	30	30	100,00	30	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	HĐND thành phố Quảng Ngãi	28	28	100,00	28	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	122	114	93,44	110	90,16	96,49	4	3,28	3,51	
a	Xã Bình Hiệp	23	21	91,30	17	73,91	80,95	4	17,39	19,05	
b	Xã Bình Thanh	25	25	100,00	25	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Bình Tân Phú	22	22	100,00	22	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
d	Xã Bình Châu	27	25	92,59	25	92,59	100,00	0	0,00	0,00	
e	Xã Tịnh Hòa	25	21	84,00	21	84,00	100,00	0	0,00	0,00	
11	Thành lập xã Trường Giang trên cơ sở nhập xã Tịnh Giang, xã Tịnh Đông và xã Tịnh Minh thuộc huyện Sơn Tịnh										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Sơn Tịnh	28	28	100,00	28	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	65	62	95,38	61	93,85	98,39	1	1,54	1,61	
a	Xã Tịnh Giang	22	22	100,00	22	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Tịnh Đông	21	18	85,71	18	85,71	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Tịnh Minh	22	22	100,00	21	95,45	95,45	1	4,55	4,55	
12	Thành lập xã Ba Gia trên cơ sở nhập xã Tịnh Bắc, xã Tịnh Hiệp và xã Tịnh Trà thuộc huyện Sơn Tịnh										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Sơn Tịnh	28	28	100,00	28	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	69	69	100,00	69	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
a	Xã Tịnh Bắc	24	24	100,00	24	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Tịnh Hiệp	22	22	100,00	22	100,00	100,00	0	0,00	0,00	

STT	Đơn vị hành chính	Số lượng đại biểu HĐND				Kết quả biểu quyết						Ghi chú
		Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu tham dự kỳ họp	Tỷ lệ đại biểu tham dự kỳ họp (%)	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ đồng ý/Tổng số đại biểu HĐND (%)	Tỷ lệ đồng ý/Tổng số đại biểu tham dự kỳ họp (%)	Số đại biểu không đồng ý	Tỷ lệ không đồng ý/Tổng số đại biểu HĐND (%)	Tỷ lệ không đồng ý/Tổng số đại biểu tham dự kỳ họp (%)		
c	Xã Tinh Trà	23	23	100,00	23	100,00	100,00	0	0,00	0,00		
13	Thành lập xã Sơn Tinh trên cơ sở nhập xã Tinh Bình, xã Tinh Sơn và thị trấn Tinh Hà thuộc huyện Sơn Tinh											
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00		
	HĐND huyện Sơn Tinh	28	28	100,00	28	100,00	100,00	0	0,00	0,00		
	HĐND cấp xã	76	74	97,37	74	97,37	100,00	0	0,00	0,00		
a	Xã Tinh Bình	26	26	100,00	26	100,00	100,00	0	0,00	0,00		
b	Xã Tinh Sơn	23	21	91,30	21	91,30	100,00	0	0,00	0,00		
c	Thị trấn Tinh Hà	27	27	100,00	27	100,00	100,00	0	0,00	0,00		
14	Thành lập xã Thọ Phong trên cơ sở nhập xã Tinh Phong và xã Tinh Thọ thuộc huyện Sơn Tinh											
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00		
	HĐND huyện Sơn Tinh	28	28	100,00	28	100,00	100,00	0	0,00	0,00		
	HĐND cấp xã	53	47	88,68	47	88,68	100,00	0	0,00	0,00		
a	Xã Tinh Phong	26	23	88,46	23	88,46	100,00	0	0,00	0,00		
b	Xã Tinh Thọ	27	24	88,89	24	88,89	100,00	0	0,00	0,00		
15	Thành lập phường Trà Câu trên cơ sở nhập xã Phố An, xã Phố Thuận, phường Phố Văn và phường Phố Quang thuộc thị xã Đức Phổ											
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00		
	HĐND thị xã Đức Phổ	29	27	93,10	27	93,10	100,00	0	0,00	0,00		
	HĐND cấp xã	86	83	96,51	83	96,51	100,00	0	0,00	0,00		
a	Xã Phố An	23	22	95,65	22	95,65	100,00	0	0,00	0,00		
b	Xã Phố Thuận	24	24	100,00	24	100,00	100,00	0	0,00	0,00		
c	Phường Phố Văn	20	18	90,00	18	90,00	100,00	0	0,00	0,00		
d	Phường Phố Quang	19	19	100,00	19	100,00	100,00	0	0,00	0,00		
16	Thành lập xã Nguyễn Nghiêm trên cơ sở nhập xã Phố Phong và xã Phố Nhơn thuộc thị xã Đức Phổ											
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00		

STT	Đơn vị hành chính	Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết						Ghi chú
		Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu tham dự kỳ họp	Tỷ lệ đại biểu tham dự kỳ họp (%)	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ đồng ý/Tổng số đại biểu HĐND (%)	Tỷ lệ đồng ý/Tổng số đại biểu tham dự kỳ họp (%)	Số đại biểu không đồng ý	Tỷ lệ không đồng ý/Tổng số đại biểu HĐND (%)	Tỷ lệ không đồng ý/Tổng số đại biểu tham dự kỳ họp (%)	
	HĐND thị xã Đức Phổ	29	27	93,10	27	93,10	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	43	39	90,70	39	90,70	100,00	0	0,00	0,00	
a	Xã Phổ Phong	25	22	88,00	22	88,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Phổ Nhơn	18	17	94,44	17	94,44	100,00	0	0,00	0,00	
17	Thành lập phường Đức Phổ trên cơ sở nhập phường Phổ Hòa, phường Nguyễn Nghiêm, phường Phổ Ninh, phường Phổ Minh và phường Phổ Vinh thuộc thị xã Đức Phổ										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND thị xã Đức Phổ	29	27	93,10	27	93,10	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	99	94	94,95	94	94,95	100,00	0	0,00	0,00	
a	Phường Phổ Hòa	20	20	100,00	20	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Phường Nguyễn Nghiêm	19	18	94,74	18	94,74	100,00	0	0,00	0,00	
c	Phường Phổ Ninh	20	18	90,00	18	90,00	100,00	0	0,00	0,00	
d	Phường Phổ Minh	19	19	100,00	19	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
e	Phường Phổ Vinh	21	19	90,48	19	90,48	100,00	0	0,00	0,00	
18	Thành lập xã Khánh Cường trên cơ sở nhập xã Phổ Khánh và xã Phổ Cường thuộc thị xã Đức Phổ										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND thị xã Đức Phổ	29	27	93,10	27	93,10	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	46	41	89,13	41	89,13	100,00	0	0,00	0,00	
a	Xã Phổ Khánh	22	19	86,36	19	86,36	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Phổ Cường	24	22	91,67	22	91,67	100,00	0	0,00	0,00	
19	Thành lập phường Sa Huỳnh trên cơ sở nhập phường Phổ Thạnh và xã Phổ Châu thuộc thị xã Đức Phổ										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND thị xã Đức Phổ	29	27	93,10	27	93,10	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	46	45	97,83	45	97,83	100,00	0	0,00	0,00	
a	Phường Phổ Thạnh	22	21	95,45	21	95,45	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Phổ Châu	24	24	100,00	24	100,00	100,00	0	0,00	0,00	

STT	Đơn vị hành chính	Số lượng đại biểu HĐND				Kết quả biểu quyết						Ghi chú	
		Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu tham dự kỳ họp	Tỷ lệ đại biểu tham dự kỳ họp (%)	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ đồng ý/Tổng số đại biểu HĐND (%)	Tỷ lệ đồng ý/Tổng số đại biểu tham dự kỳ họp (%)	Số đại biểu không đồng ý	Tỷ lệ không đồng ý/Tổng số đại biểu HĐND (%)	Tỷ lệ không đồng ý/Tổng số đại biểu tham dự kỳ họp (%)			
20	Thành lập xã Long Phụng trên cơ sở nhập xã Thăng Lợi, xã Đức Nhuận và xã Đức Hiệp thuộc huyện Mộ Đức												
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00			
	HĐND huyện Mộ Đức	30	28	93,33	28	93,33	100,00	0	0,00	0,00			
	HĐND cấp xã	94	81	86,17	81	86,17	100,00	0	0,00	0,00			
	a Xã Thăng Lợi	45	37	82,22	37	82,22	100,00	0	0,00	0,00			
	b Xã Đức Nhuận	26	23	88,46	23	88,46	100,00	0	0,00	0,00			
c Xã Đức Hiệp	23	21	91,30	21	91,30	100,00	0	0,00	0,00				
21	Thành lập xã Mỏ Cày trên cơ sở nhập xã Đức Chánh, xã Đức Thạnh và xã Đức Minh thuộc huyện Mộ Đức												
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00			
	HĐND huyện Mộ Đức	30	28	93,33	28	93,33	100,00	0	0,00	0,00			
	HĐND cấp xã	73	66	90,41	66	90,41	100,00	0	0,00	0,00			
a	Xã Đức Chánh	26	24	92,31	24	92,31	100,00	0	0,00	0,00			
b	Xã Đức Thạnh	22	22	100,00	22	100,00	100,00	0	0,00	0,00			
c	Xã Đức Minh	25	20	80,00	20	80,00	100,00	0	0,00	0,00			
22	Thành lập xã Mộ Đức trên cơ sở nhập xã Đức Hòa, xã Đức Phú, xã Đức Tân và thị trấn Mộ Đức thuộc huyện Mộ Đức												
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00			
	HĐND huyện Mộ Đức	30	28	93,33	28	93,33	100,00	0	0,00	0,00			
	HĐND cấp xã	96	92	95,83	92	95,83	100,00	0	0,00	0,00			
a	Xã Đức Hòa	24	22	91,67	22	91,67	100,00	0	0,00	0,00			
b	Xã Đức Phú	24	23	95,83	23	95,83	100,00	0	0,00	0,00			
c	Xã Đức Tân	24	23	95,83	23	95,83	100,00	0	0,00	0,00			
d	Thị trấn Mộ Đức	24	24	100,00	24	100,00	100,00	0	0,00	0,00			
23	Thành lập xã Lân Phong trên cơ sở nhập xã Đức Phong và xã Đức Lân thuộc huyện Mộ Đức												
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00			
	HĐND huyện Mộ Đức	30	28	93,33	28	93,33	100,00	0	0,00	0,00			

[illegible]

STT	Đơn vị hành chính	Số lượng đại biểu HĐND				Kết quả biểu quyết						Ghi chú
		Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu tham dự kỳ họp	Tỷ lệ đại biểu tham dự kỳ họp (%)	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ đồng ý/Tổng số đại biểu HĐND (%)	Tỷ lệ đồng ý/Tổng số đại biểu tham dự kỳ họp (%)	Số đại biểu không đồng ý	Tỷ lệ không đồng ý/Tổng số đại biểu HĐND (%)	Tỷ lệ không đồng ý/Tổng số đại biểu tham dự kỳ họp (%)		
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00		
	HĐND huyện Tư Nghĩa	31	31	100,00	31	100,00	100,00	0	0,00	0,00		
	HĐND cấp xã	63	62	98,41	62	98,41	100,00	0	0,00	0,00		
a	Xã Nghĩa Sơn	13	13	100,00	13	100,00	100,00	0	0,00	0,00		
b	Xã Nghĩa Lâm	25	25	100,00	25	100,00	100,00	0	0,00	0,00		
c	Xã Nghĩa Thắng	25	24	96,00	24	96,00	100,00	0	0,00	0,00		
28	Thành lập xã Nghĩa Hành trên cơ sở nhập xã Hành Thuận, thị trấn Chợ Chùa và xã Hành Trung thuộc huyện Nghĩa Hành											
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00		
	HĐND huyện Nghĩa Hành	27	25	92,59	25	92,59	100,00	0	0,00	0,00		
	HĐND cấp xã	72	70	97,22	70	97,22	100,00	0	0,00	0,00		
a	Xã Hành Thuận	25	25	100,00	25	100,00	100,00	0	0,00	0,00		
b	Thị Trấn Chợ Chùa	24	22	91,67	22	91,67	100,00	0	0,00	0,00		
c	Xã Hành Trung	23	23	100,00	23	100,00	100,00	0	0,00	0,00		
29	Thành lập xã Định Cường trên cơ sở nhập xã Hành Đức, xã Hành Phước và xã Hành Thịnh thuộc huyện Nghĩa Hành											
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00		
	HĐND huyện Nghĩa Hành	27	25	92,59	25	92,59	100,00	0	0,00	0,00		
	HĐND cấp xã	76	75	98,68	75	98,68	100,00	0	0,00	0,00		
a	Xã Hành Đức	27	27	100,00	27	100,00	100,00	0	0,00	0,00		
b	Xã Hành Phước	26	26	100,00	26	100,00	100,00	0	0,00	0,00		
c	Xã Hành Thịnh	23	22	95,65	22	95,65	100,00	0	0,00	0,00		
30	Thành lập xã Thiện Tín trên cơ sở nhập xã Hành Thiện, xã Hành Tín Tây và xã Hành Tín Đông thuộc huyện Nghĩa Hành											
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00		
	HĐND huyện Nghĩa Hành	27	25	92,59	25	92,59	100,00	0	0,00	0,00		
	HĐND cấp xã	61	59	96,72	59	96,72	100,00	0	0,00	0,00		
a	Xã Hành Thiện	20	20	100,00	20	100,00	100,00	0	0,00	0,00		
b	Xã Hành Tín Tây	20	18	90,00	18	90,00	100,00	0	0,00	0,00		

STT	Đơn vị hành chính	Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết						Ghi chú
		Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu tham dự kỳ họp	Tỷ lệ đại biểu tham dự kỳ họp (%)	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ đồng ý/Tổng số đại biểu HĐND (%)	Tỷ lệ đồng ý/Tổng số biểu tham dự kỳ họp (%)	Số đại biểu không đồng ý	Tỷ lệ không đồng ý/Tổng số đại biểu HĐND (%)	Tỷ lệ không đồng ý/Tổng số đại biểu tham dự kỳ họp (%)	
c	Xã Hành Tín Đông	21	21	100,00	21	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
31	Thành lập xã Phước Giang trên cơ sở nhập xã Hành Dũng, xã Hành Nhân và xã Hành Minh thuộc huyện Nghĩa Hành										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Nghĩa Hành	27	25	92,59	25	92,59	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	67	66	98,51	66	98,51	100,00	0	0,00	0,00	
a	Xã Hành Dũng	20	19	95,00	19	95,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Hành Nhân	23	23	100,00	23	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Hành Minh	24	24	100,00	24	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
32	Thành lập xã Trà Bồng trên cơ sở nhập thị trấn Trà Xuân, xã Trà Sơn và xã Trà Thủy thuộc huyện Trà Bồng										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Trà Bồng	30	29	96,67	29	96,67	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	62	59	95,16	59	95,16	100,00	0	0,00	0,00	
a	Thị trấn Trà Xuân	22	22	100,00	22	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Trà Thủy	21	21	100,00	21	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Trà Sơn	19	16	84,21	16	84,21	100,00	0	0,00	0,00	
33	Thành lập xã Đông Trà Bồng trên cơ sở nhập xã Trà Bình, xã Trà Phú và xã Trà Giang thuộc huyện Trà Bồng										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Trà Bồng	30	29	96,67	29	96,67	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	49	48	97,96	48	97,96	100,00	0	0,00	0,00	
a	Xã Trà Bình	19	18	94,74	18	94,74	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Trà Phú	18	18	100,00	18	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Trà Giang	12	12	100,00	12	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
34	Thành lập xã Tây Trà trên cơ sở nhập xã Sơn Trà, xã Trà Phong và xã Trà Xinh thuộc huyện Trà Bồng										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Trà Bồng	30	29	96,67	29	96,67	100,00	0	0,00	0,00	

[illegible]

STT	Đơn vị hành chính	Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết						Ghi chú
		Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu tham dự kỳ họp	Tỷ lệ đại biểu tham dự kỳ họp (%)	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ đồng ý/Tổng số đại biểu HĐND (%)	Tỷ lệ đồng ý/Tổng số đại biểu tham dự kỳ họp (%)	Số đại biểu không đồng ý	Tỷ lệ không đồng ý/Tổng số đại biểu HĐND (%)	Tỷ lệ không đồng ý/Tổng số đại biểu tham dự kỳ họp (%)	
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Sơn Hà	31	25	80,65	25	80,65	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	61	60	98,36	60	98,36	100,00	0	0,00	0,00	
a	Xã Sơn Hà	23	23	100,00	23	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Sơn Nham	16	16	100,00	16	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Sơn Thành	22	21	95,45	21	95,45	100,00	0	0,00	0,00	
39	Thành lập xã Sơn Linh trên cơ sở nhập xã Sơn Giang, xã Sơn Linh và xã Sơn Cao thuộc huyện Sơn Hà										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Sơn Hà	31	25	80,65	25	80,65	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	56	54	96,43	54	96,43	100,00	0	0,00	0,00	
a	Xã Sơn Giang	20	20	100,00	20	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Sơn Linh	19	17	89,47	17	89,47	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Sơn Cao	17	17	100,00	17	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
40	Thành lập xã Sơn Hà trên cơ sở nhập thị trấn Di Lăng, xã Sơn Bao và xã Sơn Thượng thuộc huyện Sơn Hà										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Sơn Hà	31	25	80,65	25	80,65	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	55	50	90,91	50	90,91	100,00	0	0,00	0,00	
a	Thị trấn Di Lăng	19	15	78,95	15	78,95	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Sơn Bao	17	17	100,00	17	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Sơn Thượng	19	18	94,74	18	94,74	100,00	0	0,00	0,00	
41	Thành lập xã Sơn Thủy trên cơ sở nhập xã Sơn Trung, xã Sơn Hải và xã Sơn Thủy thuộc huyện Sơn Hà										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Sơn Hà	31	25	80,65	25	80,65	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	51	49	96,08	49	96,08	100,00	0	0,00	0,00	
a	Xã Sơn Trung	18	17	94,44	17	94,44	100,00	0	0,00	0,00	

13													
STT	Đơn vị hành chính	Số lượng đại biểu HĐND				Kết quả biểu quyết							Ghi chú
		Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu tham dự kỳ họp	Tỷ lệ đại biểu tham dự kỳ họp (%)	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ đồng ý/Tổng số đại biểu HĐND (%)	Tỷ lệ đồng ý/Tổng số đại biểu tham dự kỳ họp (%)	Số đại biểu không đồng ý	Tỷ lệ không đồng ý/Tổng số đại biểu HĐND (%)	Tỷ lệ không đồng ý/Tổng số đại biểu tham dự kỳ họp (%)			
42	b Xã Sơn Hải	16	15	93,75	15	93,75	100,00	0	0,00	0,00			
	c Xã Sơn Thủy	17	17	100,00	17	100,00	100,00	0	0,00	0,00			
	Thành lập xã Sơn Kỳ trên cơ sở nhập xã Sơn Kỳ và xã Sơn Ba thuộc huyện Sơn Hà												
43	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00			
	HĐND huyện Sơn Hà	31	25	80,65	25	80,65	100,00	0	0,00	0,00			
	HĐND cấp xã	35	32	91,43	32	91,43	100,00	0	0,00	0,00			
	a Xã Sơn Kỳ	20	20	100,00	20	100,00	100,00	0	0,00	0,00			
	b Xã Sơn Ba	15	12	80,00	12	80,00	100,00	0	0,00	0,00			
Thành lập xã Sơn Tây trên cơ sở nhập xã Sơn Long, xã Sơn Tân và xã Sơn Dung thuộc huyện Sơn Tây													
44	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00			
	HĐND huyện Sơn Tây	25	25	100,00	24	96,00	96,00	1	4,00	4,00			
	HĐND cấp xã	50	48	96,00	48	96,00	100,00	0	0,00	0,00			
	a Xã Sơn Long	13	12	92,31	12	92,31	100,00	0	0,00	0,00			
	b Xã Sơn Tân	19	18	94,74	18	94,74	100,00	0	0,00	0,00			
	c Xã Sơn Dung	18	18	100,00	18	100,00	100,00	0	0,00	0,00			
	Thành lập xã Sơn Tây Thượng trên cơ sở nhập xã Sơn Mùa, xã Sơn Liên và xã Sơn Bua thuộc huyện Sơn Tây												
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00			
	HĐND huyện Sơn Tây	25	25	100,00	23	92,00	92,00	2	8,00	8,00			
	HĐND cấp xã	40	37	92,50	37	92,50	100,00	0	0,00	0,00			
45	a Xã Sơn Mùa	17	15	88,24	15	88,24	100,00	0	0,00	0,00			
	b Xã Sơn Liên	10	10	100,00	10	100,00	100,00	0	0,00	0,00			
	c Xã Sơn Bua	13	12	92,31	12	92,31	100,00	0	0,00	0,00			
	Thành lập xã Sơn Tây Hạ trên cơ sở nhập xã Sơn Tinh, xã Sơn Lập và xã Sơn Mầu thuộc huyện Sơn Tây												
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00			
HĐND huyện Sơn Tây		25	25	100,00	23	92,00	92,00	2	8,00	8,00			

14

STT	Đơn vị hành chính	Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết						Ghi chú
		Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu tham dự kỳ họp	Tỷ lệ đại biểu tham dự kỳ họp (%)	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ đồng ý/Tổng số đại biểu HĐND (%)	Tỷ lệ đồng ý/Tổng số biểu tham dự kỳ họp (%)	Số đại biểu không đồng ý	Tỷ lệ không đồng ý/Tổng số đại biểu HĐND (%)	Tỷ lệ không đồng ý/Tổng số đại biểu tham dự kỳ họp (%)	
	HĐND cấp xã	34	34	100,00	34	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
a	Xã Sơn Tinh	14	14	100,00	14	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Sơn Lập	11	11	100,00	11	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Sơn Mầu	9	9	100,00	9	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
46	Thành lập xã Ba Vì trên cơ sở nhập xã Ba Vì, xã Ba Tiêu và xã Ba Ngạc thuộc huyện Ba Tơ										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Ba Tơ	28	27	96,43	27	96,43	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	51	47	92,16	47	92,16	100,00	0	0,00	0,00	
a	Xã Ba Vì	18	18	100,00	18	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Ba Tiêu	16	15	93,75	15	93,75	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Ba Ngạc	17	14	82,35	14	82,35	100,00	0	0,00	0,00	
47	Thành lập xã Ba Tô trên cơ sở nhập xã Ba Tô, xã Ba Nam và xã Ba Lễ thuộc huyện Ba Tơ										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Ba Tơ	28	27	96,43	27	96,43	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	44	44	100,00	44	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
a	Xã Ba Tô	19	19	100,00	19	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Ba Nam	12	12	100,00	12	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Ba Lễ	13	13	100,00	13	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
48	Thành lập xã Ba Tơ trên cơ sở nhập thị trấn Ba Tơ, xã Ba Bích và xã Ba Cung thuộc huyện Ba Tơ										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Ba Tơ	28	27	96,43	27	96,43	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	57	55	96,49	55	96,49	100,00	0	0,00	0,00	
a	Thị trấn Ba Tơ	20	19	95,00	19	95,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Ba Bích	19	18	94,74	18	94,74	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Ba Cung	18	18	100,00	18	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
49	Thành lập xã Ba Dinh trên cơ sở nhập xã Ba Dinh và xã Ba Giang thuộc huyện Ba Tơ										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Ba Tơ	28	27	96,43	27	96,43	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	57	55	96,49	55	96,49	100,00	0	0,00	0,00	
a	Thị trấn Ba Tơ	20	19	95,00	19	95,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Ba Bích	19	18	94,74	18	94,74	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Ba Cung	18	18	100,00	18	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
49	Thành lập xã Ba Dinh trên cơ sở nhập xã Ba Dinh và xã Ba Giang thuộc huyện Ba Tơ										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Ba Tơ	28	27	96,43	27	96,43	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	57	55	96,49	55	96,49	100,00	0	0,00	0,00	
a	Thị trấn Ba Tơ	20	19	95,00	19	95,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Ba Bích	19	18	94,74	18	94,74	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Ba Cung	18	18	100,00	18	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
49	Thành lập xã Ba Dinh trên cơ sở nhập xã Ba Dinh và xã Ba Giang thuộc huyện Ba Tơ										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Ba Tơ	28	27	96,43	27	96,43	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	57	55	96,49	55	96,49	100,00	0	0,00	0,00	
a	Thị trấn Ba Tơ	20	19	95,00	19	95,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Ba Bích	19	18	94,74	18	94,74	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Ba Cung	18	18	100,00	18	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
49	Thành lập xã Ba Dinh trên cơ sở nhập xã Ba Dinh và xã Ba Giang thuộc huyện Ba Tơ										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Ba Tơ	28	27	96,43	27	96,43	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	57	55	96,49	55	96,49	100,00	0	0,00	0,00	
a	Thị trấn Ba Tơ	20	19	95,00	19	95,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Ba Bích	19	18	94,74	18	94,74	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Ba Cung	18	18	100,00	18	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
49	Thành lập xã Ba Dinh trên cơ sở nhập xã Ba Dinh và xã Ba Giang thuộc huyện Ba Tơ										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Ba Tơ	28	27	96,43	27	96,43	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	57	55	96,49	55	96,49	100,00	0	0,00	0,00	
a	Thị trấn Ba Tơ	20	19	95,00	19	95,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Ba Bích	19	18	94,74	18	94,74	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Ba Cung	18	18	100,00	18	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
49	Thành lập xã Ba Dinh trên cơ sở nhập xã Ba Dinh và xã Ba Giang thuộc huyện Ba Tơ										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Ba Tơ	28	27	96,43	27	96,43	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	57	55	96,49	55	96,49	100,00	0	0,00	0,00	
a	Thị trấn Ba Tơ	20	19	95,00	19	95,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Ba Bích	19	18	94,74	18	94,74	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Ba Cung	18	18	100,00	18	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
49	Thành lập xã Ba Dinh trên cơ sở nhập xã Ba Dinh và xã Ba Giang thuộc huyện Ba Tơ										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Ba Tơ	28	27	96,43	27	96,43	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	57	55	96,49	55	96,49	100,00	0	0,00	0,00	
a	Thị trấn Ba Tơ	20	19	95,00	19	95,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Ba Bích	19	18	94,74	18	94,74	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Ba Cung	18	18	100,00	18	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
49	Thành lập xã Ba Dinh trên cơ sở nhập xã Ba Dinh và xã Ba Giang thuộc huyện Ba Tơ										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Ba Tơ	28	27	96,43	27	96,43	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	57	55	96,49	55	96,49	100,00	0	0,00	0,00	
a	Thị trấn Ba Tơ	20	19	95,00	19	95,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Ba Bích	19	18	94,74	18	94,74	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Ba Cung	18	18	100,00	18	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
49	Thành lập xã Ba Dinh trên cơ sở nhập xã Ba Dinh và xã Ba Giang thuộc huyện Ba Tơ										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Ba Tơ	28	27	96,43	27	96,43	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	57	55	96,49	55	96,49	100,00	0	0,00	0,00	
a	Thị trấn Ba Tơ	20	19	95,00	19	95,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Ba Bích	19	18	94,74	18	94,74	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Ba Cung	18	18	100,00	18	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
49	Thành lập xã Ba Dinh trên cơ sở nhập xã Ba Dinh và xã Ba Giang thuộc huyện Ba Tơ										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Ba Tơ	28	27	96,43	27	96,43	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	57	55	96,49	55	96,49	100,00	0	0,00	0,00	
a	Thị trấn Ba Tơ	20	19	95,00	19	95,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Ba Bích	19	18	94,74	18	94,74	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Ba Cung	18	18	100,00	18	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
49	Thành lập xã Ba Dinh trên cơ sở nhập xã Ba Dinh và xã Ba Giang thuộc huyện Ba Tơ										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Ba Tơ	28	27	96,43	27	96,43	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	57	55	96,49	55	96,49	100,00	0	0,00	0,00	
a	Thị trấn Ba Tơ	20	19	95,00	19	95,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Ba Bích	19	18	94,74	18	94,74	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Ba Cung	18	18	100,00	18	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
49	Thành lập xã Ba Dinh trên cơ sở nhập xã Ba Dinh và xã Ba Giang thuộc huyện Ba Tơ										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Ba Tơ	28	27	96,43	27	96,43	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	57	55	96,49	55	96,49	100,00	0	0,00	0,00	
a	Thị trấn Ba Tơ	20	19	95,00	19	95,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Ba Bích	19	18	94,74	18	94,74	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Ba Cung	18	18	100,00	18	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
49	Thành lập xã Ba Dinh trên cơ sở nhập xã Ba Dinh và xã Ba Giang thuộc huyện Ba Tơ										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Ba Tơ	28	27	96,43	27	96,43	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	57	55	96,49	55	96,49	100,00	0	0,00	0,00	
a	Thị trấn Ba Tơ	20	19	95,00	19	95,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Ba Bích	19	18	94,74	18	94,74	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Ba Cung	18	18	100,00	18	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
49	Thành lập xã Ba Dinh trên cơ sở nhập xã Ba Dinh và xã Ba Giang thuộc huyện Ba Tơ										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Ba Tơ	28	27	96,43	27	96,43	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	57	55	96,49	55	96,49	100,00	0	0,00	0,00	
a	Thị trấn Ba Tơ	20	19	95,00	19	95,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Ba Bích	19	18	94,74	18	94,74	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Ba Cung	18	18	100,00	18	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
49	Thành lập xã Ba Dinh trên cơ sở nhập xã Ba Dinh và xã Ba Giang thuộc huyện Ba Tơ										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Ba Tơ	28	27	96,43	27	96,43	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	57	55	96,49	55	96,49	100,00	0	0,00	0,00	
a	Thị trấn Ba Tơ	20	19	95,00	19	95,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Ba Bích	19	18	94,74	18	94,74	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Ba Cung	18	18	100,00	18	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
49	Thành lập xã Ba Dinh trên cơ sở nhập xã Ba Dinh và xã Ba Giang thuộc huyện Ba Tơ										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Ba Tơ	28	27	96,43	27	96,43	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	57	55	96,49	55	96,49	100,00	0	0,00	0,00	
a	Thị trấn Ba Tơ	20	19	95,00							

15													
STT	Đơn vị hành chính	Số lượng đại biểu HĐND				Kết quả biểu quyết							Ghi chú
		Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu tham dự kỳ họp	Tỷ lệ đại biểu tham dự kỳ họp (%)	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ đồng ý/Tổng số đại biểu HĐND (%)	Tỷ lệ đồng ý/Tổng số đại biểu tham dự kỳ họp (%)	Số đại biểu không đồng ý	Tỷ lệ không đồng ý/Tổng số đại biểu HĐND (%)	Tỷ lệ không đồng ý/Tổng số đại biểu tham dự kỳ họp (%)			
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00			
	HĐND huyện Ba To	28	27	96,43	27	96,43	100,00	0	0,00	0,00			
	HĐND cấp xã	33	33	100,00	33	100,00	100,00	0	0,00	0,00			
a	Xã Ba Dinh	20	20	100,00	20	100,00	100,00	0	0,00	0,00			
b	Xã Ba Giang	13	13	100,00	13	100,00	100,00	0	0,00	0,00			
50	Thành lập xã Ba Vinh trên cơ sở nhập xã Ba Điền và xã Ba Vinh thuộc huyện Ba To												
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00			
	HĐND huyện Ba To	28	27	96,43	27	96,43	100,00	0	0,00	0,00			
	HĐND cấp xã	35	35	100,00	35	100,00	100,00	0	0,00	0,00			
a	Xã Ba Vinh	20	20	100,00	20	100,00	100,00	0	0,00	0,00			
b	Xã Ba Điền	15	15	100,00	15	100,00	100,00	0	0,00	0,00			
51	Thành lập xã Ba Động trên cơ sở nhập xã Ba Liên, xã Ba Thành và xã Ba Động thuộc huyện Ba To												
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00			
	HĐND huyện Ba To	28	27	96,43	27	96,43	100,00	0	0,00	0,00			
	HĐND cấp xã	47	45	95,74	45	95,74	100,00	0	0,00	0,00			
a	Xã Ba Động	16	16	100,00	16	100,00	100,00	0	0,00	0,00			
b	Xã Ba Thành	18	17	94,44	17	94,44	100,00	0	0,00	0,00			
c	Xã Ba Liên	13	12	92,31	12	92,31	100,00	0	0,00	0,00			
52	Thành lập xã Đặng Thùy Trâm trên cơ sở nhập xã Ba Trang và xã Ba Khâm thuộc huyện Ba To												
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00			
	HĐND huyện Ba To	28	27	96,43	27	96,43	100,00	0	0,00	0,00			
	HĐND cấp xã	29	28	96,55	28	96,55	100,00	0	0,00	0,00			
a	Xã Ba Trang	17	16	94,12	16	94,12	100,00	0	0,00	0,00			
b	Xã Ba Khâm	12	12	100,00	12	100,00	100,00	0	0,00	0,00			

STT	Đơn vị hành chính	Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết						Ghi chú
		Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu tham dự kỳ họp	Tỷ lệ đại biểu tham dự kỳ họp (%)	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ đồng ý/Tổng số đại biểu HĐND (%)	Tỷ lệ đồng ý/Tổng số đại biểu tham dự kỳ họp (%)	Số đại biểu không đồng ý	Tỷ lệ không đồng ý/Tổng số đại biểu HĐND (%)	Tỷ lệ không đồng ý/Tổng số đại biểu tham dự kỳ họp (%)	
53	Giữ nguyên ĐVHC xã Ba Xa thuộc huyện Ba Tư như hiện nay										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Ba Tư	28	27	96,43	27	96,43	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND xã Ba Xa	20	15	75,00	15	75,00	100,00	0	0,00	0,00	
54	Thành lập xã Minh Long trên cơ sở nhập xã Long Hiệp, xã Thanh An và xã Long Môn thuộc huyện Minh Long										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Minh Long	26	25	96,15	25	96,15	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	49	46	93,88	46	93,88	100,00	0	0,00	0,00	
a	Xã Long Hiệp	17	17	100,00	17	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Thanh An	19	19	100,00	19	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
c	Xã Long Môn	13	10	76,92	10	76,92	100,00	0	0,00	0,00	
55	Thành lập xã Sơn Mai trên cơ sở nhập xã Long Mai và xã Long Sơn thuộc huyện Minh Long										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Minh Long	26	25	96,15	25	96,15	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND cấp xã	37	36	97,30	36	97,30	100,00	0	0,00	0,00	
a	Xã Long Mai	17	16	94,12	16	94,12	100,00	0	0,00	0,00	
b	Xã Long Sơn	20	20	100,00	20	100,00	100,00	0	0,00	0,00	
56	Chuyển nguyên trạng huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi thành đơn vị hành chính cấp xã có tên gọi là đặc khu										
	HĐND tỉnh Quảng Ngãi	49	45	91,84	45	91,84	100,00	0	0,00	0,00	
	HĐND huyện Lý Sơn	27	26	96,30	26	96,30	100,00	0	0,00	0,00	